

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ - PT

Ngày 13-9-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán: 1. Bà Lê Thu Hương

2. Bà Lê Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Ông Đỗ Văn Hậu – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2019/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H – sinh năm 1983, (có mặt).

Địa chỉ: Lô B224, MB 8018, phường T, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn T- sinh năm 1981, (có mặt).

Địa chỉ: Lô B224, MB 8018, phường T, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn T kết hôn với nhau năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên chửi bới, đánh đập chị nhiều lần, có lần anh T còn đánh chị H dẫn đến chị phải nằm điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa. Hơn nữa, anh T còn xúc phạm bố mẹ đẻ của chị, thường xuyên mắng chửi các con. Chị và

anh T nhiều lần nói chuyện nhưng giữa chị và anh T không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị đã về nhà mẹ đẻ tại huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa để sinh sống từ tháng 03/2019 đến nay, từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thanh.

2. Về con: Chị và anh T có 02 con chung là Đỗ Khánh L, sinh ngày 05/12/2010 và Đỗ Văn A, sinh ngày 03/02/2016. Ly hôn, nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị H, anh T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các tài liệu khác trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Văn Thanh trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn. Giữa anh và chị H chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do những va chạm thường ngày dẫn đến vợ chồng xúc phạm, cãi vã nhau thường xuyên. Năm 2012, anh và chị H đã làm đơn ra tòa một lần, sau đó lại quay về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, mâu thuẫn vợ chồng vẫn liên tục xảy ra, đỉnh điểm là tháng 02/2019 anh và chị H xảy ra va chạm, cãi vã nhau, chị H đã về nhà ngoại ở, anh và chị H sống ly thân từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ. Chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

2. Về con: Anh và chị H có 02 con chung là Đỗ Khánh L, sinh ngày 05/12/2010 và Đỗ Văn A, sinh ngày 03/02/2016. Ly hôn, nguyện vọng của anh là mỗi người nuôi một cháu, anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, còn cháu Linh giao cho chị H nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 25/4/2019, cháu Đỗ Khánh Linh đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn được ở với mẹ.

Bà Đặng Thị K là mẹ đẻ của chị Trần Thị H cũng có đơn đề nghị Tòa án xem xét: trong trường hợp chị H, anh T ly hôn, bà đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của chị H về quyền nuôi con. Đồng thời, bà cũng cam kết gia đình bà sẽ tạo mọi điều kiện để hỗ trợ cho chị H nuôi con một cách tốt nhất.

Tại Bản án số 26/2019/HNGĐ-ST ngày 12 /6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Đỗ Văn T.

Về con: Chị H, anh T có 02 con chung: cháu Đỗ Khánh L sinh ngày 05/12/2010, cháu Đỗ Văn A sinh ngày 03/02/2016. Giao cả hai cháu L và cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị H, anh T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 20 /6/2019, anh Đỗ Văn T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm giao mỗi người nuôi một cháu, anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm đã tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 2 Điều 308; Điều 309 BLTTDS; khoản 2 Điều 148 Nghị quyết 326 của Quốc hội. Chấp nhận kháng cáo của anh T, sửa bản án sơ thẩm giao cháu An cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của anh Đỗ Văn T: Anh T và chị H đề nghị được trực tiếp nuôi con là nguyện vọng chính đáng và là quyền của cha mẹ đối với con cái. Chị H và anh T đều đang còn trẻ, có sức khỏe, có nơi ở, có việc làm và thu nhập ổn định. Tại cấp phúc thẩm anh T cung cấp tài liệu, chứng cứ mới là thu nhập

của anh T mỗi tháng 19.300.000đ. Anh chị có hai con chung, cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu A đã trên 3 tuổi. Anh T có thời gian làm việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con, việc giao một cháu cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con và phù hợp với quy định tại Điều 69, 71, 72, 81 Luật hôn nhân và gia đình. Mặt khác, chị H làm việc tại Bệnh viện, phải trực theo quy định, không ổn định về thời gian, việc giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là không phù hợp. Chị H cho rằng việc chăm sóc nuôi dưỡng các cháu còn có sự giúp đỡ, hỗ trợ của mẹ chị H, điều kiện như vậy là không phù hợp pháp luật. Vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của anh T, sửa bản án sơ thẩm, giao cháu A cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển mọi mặt của các cháu.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí DSPT: Vì kháng cáo được chấp nhận nên anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; căn cứ khoản 2 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Văn T về phần nuôi con.

Sửa Bản án sơ thẩm số 26/2019/HNGĐ-ST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Xử:

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Đỗ Văn T.

Về con: Công nhận chị H, anh T có 02 con chung là Đỗ Khánh L, sinh ngày 05/12/2010 và Đỗ Văn A, sinh ngày 03/02/2016. Giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị H, anh T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đỗ Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho anh T 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 121 ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thủy

